

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiếu Hmok, ông Nguyễn Văn Thức.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Huỳnh Phi Hải – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 – có mặt

Địa chỉ: Làng N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 - có mặt

Địa chỉ: TDP T, phường T, thị xã B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã T, huyện K (Nay là phường T, thị xã B), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/8/1981, sau khi kết hôn sống hạnh phúc, nhưng khoảng từ năm 2008 ông T và bà H hay cãi nhau, bất đồng quan điểm,

đã sống ly thân khoảng 25 năm. Ông Nguyễn Văn T thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà H

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà H có 06 con chung là chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, chị Nguyễn Thị Thái T2, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1997. Các con đã đủ tuổi thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Văn T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa có mặt và trình bày ý kiến có nội dung bà Nguyễn Thị H nhất trí với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân và con chung, không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn T nhưng không trình bày lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 30-10-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 04-11-2024 Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; ngày 18-11-2024 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn

T và bà Nguyễn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn 10 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà H không đồng ý ly hôn với ông T. Tuy nhiên, giữa ông T và bà H đã không còn chung sống với nhau đã lâu nên đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân trên 10 năm, nên cho ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 06 con chung là chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, chị Nguyễn Thị Thái T2, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1997. Các con đã đủ tuổi thành niên nên ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về **quan hệ hôn nhân**: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về **con chung**: Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập

3. Về **cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung**: Ông Nguyễn Văn T

không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001812 ngày 18-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung